TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 784/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26/07/2017
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu Mạnh Tường.

2. Bà Nguyễn Thị Lượng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hà Văn Đoàn – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa*:**

Bà Lê Thị Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 07 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1308/2016/TLST-HNGĐ ngày 30/12/2016 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2017/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 06 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Tân N, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: 38F đường Cây Keo, khu phố 1, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: 74/10A, đường số 6, hẻm 74, khu phố 3, phường Linh Xuân, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Bạch Y, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: Số 10 Đường số A, khu phố B, phường BT, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Số 38F đường Cây K, khu phố A, phường TP, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 21/12/2016 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn ông Phan Tân N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Tân N và bà Nguyễn Thị Bạch Y tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang

theo Giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển số I/03 ngày 28/10/2003, có tổ chức đám cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng chuyển về sinh sống tại địa chỉ: số 38F đường Cây K, Khu phố A, Phường TP, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống từ năm 2004 đến tháng 6/2013 thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau làm cho quan hệ hôn nhân trở nên nghiêm trọng, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính là do bà Y sống buông thả, không chăm lo xây dựng hành phúc gia đình và đã bỏ nhà đi từ tháng 12/2013 đến nay không có bất cứ liên lạc nào. Ông Phan Tân N đã yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với bà Nguyễn Thị Bạch Y theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 511/2016/QĐST – DS ngày 28/10/2016. Nay, ông Nhân xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trở nên trầm trọng và vợ chồng cũng không còn sống chung với nhau từ năm 2013 đến nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Bạch Y.

- Về con chung: Ông Phan Tân N xác nhận ông và bà Nguyễn Thị Bạch Y có 02 người con chung tên Phan Minh P(Nam), sinh ngày 22/6/2004 và Phan Minh L (Nam), sinh ngày 19/10/2009, sau khi ly hôn ông Nhân yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung, hiện tại các con do ông trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về cấp dưỡng: Ông N không yêu cầu bà Nguyễn Thị Bạch Y cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch Y: Căn cứ theo đơn khởi kiện do nguyên đơn cung cấp thì địa chỉ thường trú của bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch Y là tại số 10 Đường số A, khu phố B, phường BT, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, địa chỉ tạm trú là Số 38F đường Cây K, khu phố A, phường TP, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Theo kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Tam Phú, quận Thủ Đức thì: Bà Nguyễn Thị Bạch Y có tạm trú tại địa phương từ năm 2008 đến năm 2014, hiện không thực tế cư trú tại: Số 38F đường Cây K, khu phố A, phường TP, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh từ 2014 đến nay, sau đó đi đâu không rõ.

- Theo kết quả xác minh về tình trạng cư trú của Công an phường Bình Thọ, quận Thủ Đức thì: Bà Nguyễn Thị Bạch Y, sinh năm: 1984 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại số 10 Đường số A, khu phố B, phường BT, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, bà Y hiện không còn thực tế cư trú tại địa chỉ trên.

Tòa án nhân dân quận Thủ Đức đã tiến hành triệu tập và tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch Y từ khi thụ lý vụ án đến lúc đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật, nhưng bà Nguyễn Thị Bạch Y đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Phan Tân N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch Y vắng mặt tại phiên tòa.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Tòa án từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án chưa đảm bảo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự có mặt chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tiến hành các thủ tục hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được pháp luật quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào Quyết định giải quyết việc dân sự số 511/2016/QĐST – DS ngày 28/10/2016 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức về việc tuY bố một người mất tích đối với bà Nguyễn Thị Bạch Y, sinh năm 1984 thì địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của bà Nguyễn Thị Bạch Y là: Số 38F đường Cây K, khu phố A, phường TP, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức,Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch Y đã được toà án tiến hành các thủ tục tố tụng hợp lệ từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng bà Nguyễn Thị Bạch Y vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

2. Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn.

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Phan Tân N và ông Nguyễn Thị Bạch Y tự nguyện đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 130, quyển số I/03 ngày 28/10/2003. Căn cứ Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì quan hệ hôn nhân giữa ông N và bà Y là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của ông Phan Tân N thì ông và bà Y tự nguyện đăng ký kết hôn, trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, nguyên nhân là do bà Y sống buông thả, không chăm lo gia đình và đã bỏ nhà đi từ tháng 12/2013 đến nay, con cái do ông nuôi dưỡng, ông đã yêu cầu Tòa án tuyên bố một người mất tích đối với bà Nguyễn Thị Bạch Y, nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Bạch Y.

Theo kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân của Ủy ban nhân dân phường Tam Phú, quận Thủ Đức thì thời gian trước đây khi sinh sống tại địa phương thì vợ chồng thường xuyên cãi nhau, đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bạch Y đã được tuyên bố mất tích theo Quyết định giải quyết việc dân sự số 511/2016/QĐST – DS ngày 28/10/2016 của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét, với trình bày của nguyên đơn và tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập được, căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên chấp nhận.

2.2. Về con chung:

Căn cứ theo giấy khai sinh số 191 quyển 2009 ngày 06/11/2009 do Ủy ban nhân dân phường Bình Thọ, quận Thủ Đức cấp và Giấy khai sinh số 77 quyển số I ngày 25/05/2010 do Ủy ban nhân dân phường Thạnh Đông B, huyện Tân Hiệp, tỉnh Kiên Giang cấp, có cơ sở xác định hai con tên Phan Minh P(Nam), sinh ngày 22/6/2004 và Phan Minh L (Nam), sinh ngày 19/10/2009 là con chung của ông Nhân và bà Y. Sau ly hôn ông Nhân có nguyện vọng được nuôi dưỡng hai con chung, theo quy định của pháp luật khi xem xét việc giao con cho ai nuôi dưỡng, cần phải xem xét quyền lợi về mọi mặt của các con chưa thành niên. Theo lời trình bày của ông Nhân cũng như kết quả xác minh của chính quyền địa phương thì hiện tại hai con đều do ông Nhân trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, tại bản tự khai của trẻ Phan Minh Pvà Phan Minh Lcũng thể hiện nguyện vọng được ở với ba là ông Phan Tân N. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả hai con chung.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Phan Tân N không yêu cầu bà Nguyễn Thị Bạch Y cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Về tài sản chung: Ông Phan Tân N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về nợ chung: Ông Phan Tân N tự xác định không có.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Phan Tân N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 186, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 273, Điều 280, Điều 264, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 51, 53, 54, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Tân N.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa ông Phan Tân N và bà Nguyễn Thị Bạch Y.

1.2. Về con chung: Giao hai con chung tên tên Phan Minh P(Nam), sinh ngày 22/6/2004 và Phan Minh L(Nam), sinh ngày 19/10/2009 cho ông Phan Tân N trực tiếp nuôi dưỡng.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi mọi mặt của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Vế cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Tân N không yêu cầu bà Nguyễn Thị Bạch Y cấp dưỡng nuôi con.

1.4 Về tài sản chung: Ông Phan Tân N xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.5 Về nợ chung: Ông Phan Tân N tự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Phan Tân N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2016/0014610 ngày 30/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Ông Phan Tân N đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Phan Tân N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bà Nguyễn Thị Bạch Y vắng mặt tại phiên tòa có được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức;
- Thi hành án dân sự quận Thủ Đức;
- UBND P.Thạnh Đông B, H.Tân Hiệp, T. Kiên Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Thị Kim Trang